TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BA ĐÌNH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **630** /2021/HNGĐ-ST
Ngày 10 tháng 12 năm 2021
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Hoài Phương**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Trần Đức Lưu**
2. Bà **Dương Thị Diễm**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thanh Phương**-Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Hằng** – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 448/TLST- HNGĐ ngày 01/10/2021 về "tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 363/QĐXX-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 230/2021/QĐ-HPT ngày 24/11/2021, giữa:

* Nguyên đơn: Chị **Lê Thị X**, sinh năm 1987.

* Bị đơn: Anh **Đào Xuân T**, sinh năm 1975.

Cùng có đăng ký hộ khẩu thường trú và ở tại : P514B nhà A2 TC, phường TC, quận B, thành phố Hà Nội.

(Chị X có mặt)

(Anh T vắng mặt)

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 06 năm 2021, tại bản tự khai, tại biên bản lấy lời khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, chị Lê Thị X trình bày:

Chị và anh Đào Xuân T kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 09/2/2010 tại Ủy ban nhân dân xã HL, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình.

Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị thuê nhà sống tại địa chỉ phòng 514B nhà A2 TC, phường TC, quận B, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, thi thoảng vợ chồng xảy ra xô xát, không tôn trọng nhau, không có tiếng nói chung, không có sự chia sẻ trong gia đình; tuy anh chị sống chung một nhà nhưng không ai quan tâm đến ai. Khi anh chị mâu thuẫn gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên bảo

hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 4/2020 đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nguyện vọng của chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Đào Xuân T.

Về con chung: anh chị có 01 con chung là cháu Đào Thu U, sinh ngày 04/09/2010. Khi ly hôn chị xin được nuôi con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nhà ở và vay nợ: Chị X trình bày anh chị không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Trong quá trình Tòa án giải quyết, chị có nói chuyện với anh T về việc đến Tòa án giải quyết việc ly hôn nhưng anh bảo chị X thích làm gì thì làm chứ anh nhất định sẽ không đến tòa. Chị X xác định không thể hòa giải được, đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nữa, sớm giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

**** Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn anh Đào Xuân T không đến Tòa án theo các giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra, việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo yêu cầu giao nộp văn bản ý kiến trình bày quan điểm, không đồng ý cho lấy lời khai và cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ.***

Tại phiên tòa:

Chị Lê Thị X giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đào Xuân T vì tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã sống ly thân từ nửa năm nay không thể tiếp tục chung sống. Về con chung, anh chị có 01 con chung là cháu: Đào Thu U, sinh ngày 04/09/2010. Khi ly hôn chị xin được nuôi con chung và không yêu cầu Tòa giải quyết việc anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nhà ở và vay nợ: chị X trình bày anh chị không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, tống đạt văn bản tố tụng cho đương sự, tiến hành hòa giải, thu thập chứng cứ và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tiến hành đúng các thủ tục theo quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Đối với các đương sự: từ khi thụ lý vụ án đến khi phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đã thực hiện các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

* Ý kiến của đại diện viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Lê Thị X đối với anh Đào Xuân T. Xử cho chị X được ly hôn với anh T. Về con chung: Giao cháu Đào Thu U, sinh ngày 04/09/2010 cho chị X trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; chị X không yêu cầu anh T đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về tài sản chung, nhà đất ở chung và vay nợ: chị X trình bày vợ chồng anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: chị X phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào khoản 1 của Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, bị đơn anh Đào Xuân T có hộ khẩu thường trú và ở tại phòng 514B nhà A2 TC, phường TC, quận B, thành phố Hà Nội. Do vậy, Tòa án nhân dân quận Ba Đình thụ lý và giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình về "tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" là đúng thẩm quyền.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn - anh Đào Xuân T đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ mà vẫn vắng mặt. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3]. Về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn:

Xét quan hệ hôn nhân, giữa chị Lê Thị X và anh Đào Xuân T tự nguyện tìm hiểu vàcó đăng ký kết hôn ngày 09 tháng 02 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã HL, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình (Giấy chứng nhận kết hôn số 13, quyển số 01), đây là hôn nhân hợp pháp.

Chị X xin ly hôn anh T vì cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, cách sống không còn phù hợp, không còn tin tưởng nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống.

Về nguyên nhân mâu thuẫn, căn cứ các chứng cứ gồm quá trình xác minh của Tòa án tại nơi cư trú, lời khai của những người làm chứng, lời trình bày của nguyên đơn, đại diện gia đình anh T cho thấy: anh chị mâu thuẫn do không có sự chia sẻ trong gia đình, không có tiếng nói chung dẫn đến xô xát. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 4/2020 đến nay, mặc dù ở chung nhà nhưng không ai quan tâm đến ai; gia đình hai bên đã khuyên bảo hòa giải để anh chị đoàn tụ song không cải thiện được tình cảm, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Quá trình giải quyết tại Tòa án, anh Đào Xuân T không đến Tòa án làm việc, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án; không thể hiện quan điểm về việc chị X xin ly hôn đối với anh. Về việc nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nhà đất ở và vay nợ chung; anh T cũng không có biện pháp gì để cải thiện quan hệ vợ chồng. Tại phiên tòa hôm nay, anh T vắng mặt không có lý do, chứng tỏ anh T không mong muốn vợ chồng hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Hội đồng xét xử nhận thấy, cuộc sống chung của vợ chồng chị X và anh T không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, đời sống chung không thể kéo dài vì vậy căn cứ §iÒu 19; Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Tô Thị X đối với anh Đào Xuân T. Chị Lê Thị X được ly hôn với anh Đào Xuân T.

[4] Về con chung: Chị Lê Thị X và anh Đào Xuân T có 01 con chung là cháu Đào Thu U, sinh ngày 04/09/2010. Khi ly hôn chị X xin được nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, cháu Thu U 07 tuổi và đang ở với chị X, có nguyện vọng được chung sống với chị X; bản thân chị X có công việc ổn định, có chỗ ở và có điều kiện chăm sóc con, không phụ thuộc vào anh T về kinh tế. Mặt khác, anh T cũng không đến Tòa án trình bày quan điểm gì về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy có căn cứ xem xét việc chị X đảm bảo việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung mà không làm xáo trộn đến việc học tập của cháu Đào Thu U, cũng như đảm bảo quyền lợi ích và sự phát triển tâm lý cho cháu. Do đó, Hội đồng xét xử thấy nên giao cho chị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đào Thu U cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung của anh T nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

[5] Về tài sản chung và nhà đất ở chung:

Chị X trình bày vợ chồng anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về vay nợ chung:

Chị X trình bày vợ chồng anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí:

Chị X phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo:

Chị Lê Thị X và anh Đào Xuân T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của đại diện viện Kiểm sát nhân dân quận Ba Đình đối với việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự 2015;

- Điều 19, 51, 56,58, 59,81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn, nuôi con chung của chị Lê Thị X đối với anh Đào Xuân T.

Chị Lê Thị X được ly hôn với anh Đào Xuân T.

2. Về con chung: Chị X và anh T có 01 con chung là cháu Đào Thu U, sinh ngày 04/09/2010.

Giao cháu Đào Thu U cho chị Lê Thị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ tháng 11/2021 cho đến khi con chung trưởng thành (tròn 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác của pháp luật. Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung của anh T nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Đào Xuân T có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nhà đất ở chung:

Chị X trình bày anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về vay nợ chung:

Chị X trình bày anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí:

Chị Lê Thị X phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0067285 ngày 08/7/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B.

6. Về quyền kháng cáo:

Chị Lê Thị X có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Đào Xuân T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND quận Ba Đình;
- Chi cục THA DS quận B;
- TAND TP. Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hoài Phương